

Khi Shinzo Abe trở thành Thủ tướng Nhật Bản vào tháng 12/2012, ông đã khởi đầu nhiệm vụ kỳ vọng lớn về chính sách kinh tế. Abe hứa hẹn một sự thay đổi triết lý trong chính sách tiền tệ, công cụ tài khóa trong dài hạn và các cải cách cấu trúc để hồi sinh nền kinh tế. Tuy nhiên sau hai năm, chính sách kinh tế Abenomics đã không đem lại kết quả như mong đợi.



Bắt chấp sự mở rộng chính sách tiền tệ chĩa thẳng thừng và kích thích tài khóa mạnh mẽ, Nhật Bản vẫn chĩa vọt qua đèo tình trạng giậm phát và tăng trưởng yếu. Và cho dù thu nhập tiêu dùng đã được tăng lên, ngân sách quốc gia vẫn còn cách rất xa sự công bằng bền vững. Abe cũng đang nỗ lực mang tính đột phá khuyến khích tăng trưởng. Tại sao các mục tiêu đề ra lại không thể đạt được? Còn

Có những lựa chọn nào cho chính sách phát triển và kinh tế của Nhật Bản – khi xét tới tình hình nợ công đang tăng lên và sự già hóa không ngừng của xã hội.

Nền kinh tế của Nhật Bản chưa bao giờ thực sự phục hồi sau cú sốc bong bóng vào đầu những năm 1990. Vào thời điểm đó, bong bóng đầu cơ tài sản công như bất động sản và chứng khoán đã vỡ, kéo theo đó tình trạng các hộ gia đình và doanh nghiệp mất niềm tin cao, một cuộc khủng hoảng ngân hàng gây tê liệt và sự giảm sút kéo dài tăng trưởng của Nhật Bản từ 4% trước đây xuống còn 1%. Chưa có các khoản chi bổ sung tiếp tục cho các dự án xây dựng mà đôi khi vô lý mà chỉ khiến cho nền kinh tế Nhật Bản rơi vào suy thoái, qua đó khiến nợ công của Nhật Bản tăng lên mức 245% GDP theo tính toán của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Mặt khác, Ngân hàng trung ương Nhật Bản đã không thể ngăn chặn một sự giảm phát như với chính sách tiền tệ mở rộng mạnh mẽ. Ngày càng nhiều người rơi vào tình trạng việc làm không chắc chắn; sự không đồng đều trong phân chia tài sản và thu nhập của đất nước vẫn tiếp tục tăng lên.

Trong khi sự đồng thuận chính trị-xã hội vẫn định hình liên kết tăng trưởng truyền thống của Nhật Bản bao gồm chính trị, quản lý và kinh tế đã tan vỡ, các nhóm lợi ích đã cố gắng bảo vệ các quyền lợi được ban cho của mình. Cho tới nay quá trình phá bỏ một cách sáng tạo, là cần thiết cho một sự thay đổi tích cực, ví dụ như việc phá vỡ các tập hợp và cấu trúc thị trường được quy định tập đoàn hoặc những thay đổi trong phong cách điều hành tập đoàn tới các doanh nghiệp Nhật Bản, vẫn chưa diễn ra. Ngay cả sự thay đổi quy định lúc tạm thời vào năm 2009 đã đưa đảng Dân chủ Nhật Bản (DPJ) lên nắm quyền trong 3 năm cũng không thể biến những hy vọng về các cải cách đột phá, thay đổi cấu trúc và phục hồi kinh tế thành hiện thực.

“Ba mũi tên” cho sự hồi sinh và kinh tế của Nhật Bản

Với lợi thế và lãnh đạo chính phủ chuyên nghiệp và phục hồi kinh tế bền vững, Shinzo Abe, người từng nắm giữ chức vụ thủ tướng trong giai đoạn 2006-2007, đã giành chiến thắng vang dội trong cuộc bầu cử Hạ viện vào tháng 12/2012. Qua đó, đảng Dân chủ Tự do (LDP), lãnh đạo đất nước gần như liên tục từ năm 1955 đến năm 2009, đã quay trở lại nắm quyền. Abe tuyên bố những tình trạng giảm phát với một chính sách tiền tệ quyết đoán kích thích nền kinh tế với sự trợ giúp của một chính sách tài khóa mở rộng và vượt qua những trở ngại cho đầu tư thông qua các cải cách cấu trúc. Với chính sách ổn định và tăng trưởng của mình, Abe sẽ dùng phép ẩn dụ “ba mũi tên” được biết đến tại Nhật Bản. Qua đó, ông đã truyền tới một thông điệp rõ ràng: Hi vọng rằng mạnh mẽ của một chính sách và cấu trúc, tài khóa và

tiền tệ được hòa hợp với nhau sẽ làm hồi sinh và tiếp thêm sinh lực cho nền kinh tế của đất nước. Nhật Bản, nền kinh tế lớn thứ 3 và nhà xuất khẩu lớn thứ 5 thế giới, đang thứ 7 về đầu tư nước ngoài và đang thứ 2 về đăng ký bằng sáng chế, sẽ lại trở thành một “quốc gia hàng đầu”.

Tuy nhiên ngay từ đầu, một điều rõ ràng là ba cái tên nói trên rất khác nhau về quy mô và ý nghĩa. Các cái cách cấu trúc trước hết được nhìn nhận chủ yếu là những lợi công bố, và sẽ mở rộng tài khóa chủ yếu để bù đắp thâm hụt khu vực xây dựng trong nước. Sẽ tái định hình những trong chính sách tiền tệ lợi tương đương với một cuộc cách mạng thế chế và tiền tệ. Tuy tính đặc lập của Ngân hàng trung ương Nhật Bản, vốn chịu trách nhiệm về chính sách tiền tệ, đã được xác định rõ về mặt luật pháp, nhưng Abe đã có thể nhanh chóng vượt qua những phản đối chống lại sự thay đổi về những lợi tiền tệ - thông qua áp lực chính trị và sẽ chủ định mới thông đặc và hai thành viên trong Hội đồng điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng.

Hội đồng điều hành chính sách, với sự thay đổi về nhân sự và đội ngũ lãnh đạo của thành đặc mới Haruhiko Kuroda, hồi tháng 4/2013 đã công bố rộng rãi quan này đặc mục tiêu đặc đặc tỷ lệ lạm phát là 2% trong vòng 2 năm thông qua biện pháp mở rộng định tính và định lượng tiền tệ (QQE). Quy mô của mục tiêu chính sách tiền tệ mới, tiền tệ số, sẽ được tăng gấp đôi từ 138 nghìn tỷ yen (cuối năm 2012) lên 270 nghìn tỷ yen (cuối năm 2014), không phải thu vào xu hướng của lãi suất. Phần đóng góp của tiền tệ số vào GDP, vốn đã cao của tăng thực, cũng sẽ tăng gấp đôi nhờ biện pháp này, lên gần 60% trong tương lai. Trên toàn cầu, tỷ lệ tiền tệ số trên GDP cho tới năm 2007 còn ở mức thông thường là từ 5 đến 10%. Điều này cho thấy Ngân hàng trung ương Nhật Bản đang bước vào một lĩnh vực chính sách tiền tệ mới với sự mở rộng như thế này. Việc mở rộng khi lượng tiền tệ đã và đang được thực hiện thông qua việc mua trái phiếu chính phủ Nhật Bản, bao gồm cả trái phiếu có kỳ hạn dài từ 6 đến 8 năm, nhằm tạo ảnh hưởng về mặt định tính lên lãi suất trên thị trường vốn trong dài hạn.

Với chính sách mới này, Ngân hàng trung ương Nhật Bản đang theo đuổi mục tiêu đẩy lãi suất trong dài hạn xuống thấp, gây ảnh hưởng tích cực lên sự tín nhiệm của tài sản thực và gây ảnh hưởng tiêu cực tới tỷ giá hối đoái của đồng yen. Theo cách này, Ngân hàng muốn tăng cường nhu cầu của toàn bộ nền kinh tế và phá vỡ những triền vọng giảm phát của các thị trường kinh tế. Giá cao hơn, tín dụng cao hơn, nhu cầu đầu tư hơn và mua nhiều hơn hàng hóa tiêu dùng sẽ xuất hiện ở cuối chuỗi hiệu ứng. Những lợi hướng về nhu cầu của toàn bộ nền kinh tế sẽ được đóng lại.

Một kết quả lớn lớn

Sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế

Sau hai năm thực hiện chính sách kinh tế với tên gọi Abenomics, một số phước hội bên vững cho nền kinh tế Nhật Bản vẫn chưa diễn ra. Trong đó, chính sách tiền tệ và tài khóa ban đầu đã có một khởi đầu tuyệt vời. Tuyên bố của Thống đốc Ngân hàng trung ương Nhật Bản Kuroda về sự thay đổi trong chính sách tiền tệ không phải là không có hiệu quả, đặc biệt khi chính phủ và quốc hội đã thông qua hai ngân sách bổ sung. Ngay lập tức chúng khoán tăng đi kèm, kỳ vọng kinh doanh được cải thiện, lợi tức trái phiếu giảm và đồng yen liên tục mất giá. Nhờ vào mức tăng mạnh mẽ trong tiêu dùng, xây dựng công trình và đầu tư công, GDP năm 2013 đã tăng lên mức 1,6%. Tiền triển kinh tế theo hướng tích cực này đạt mức cao nhất vào quý 1 năm 2014. Ngược lại tiêu dùng lúc đó đã đẩy mạnh việc mua hàng hóa tiêu dùng, do việc tăng thuế tiêu dùng từ 5% lên 8% sắp được áp dụng. Kết quả là nền kinh tế đã tăng trưởng 2,4% so với quý trước. Nhưng sau khi thuế tiêu dùng tăng vào ngày 1/4/2014, tiêu dùng cá nhân và tăng trưởng đã sụt giảm. Trong hai quý tiếp theo, nền kinh tế tăng trưởng âm, và Nhật Bản lại rơi vào suy thoái trong thời gian ngắn. Tính trong cả năm 2014, GDP có thể giảm được mức của năm 2013 theo các số liệu thống kê ban đầu của Văn phòng Nội các.

Tiền tệ và giá và chính sách tiền tệ

Xu hướng giá cả giảm phát có thể được phá vỡ vẫn còn là điều hoàn toàn chưa rõ ràng. Tuy nhiên, từ lập luận phát được đo theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) lại âm tích cực như vào chính sách mở rộng khi lạm phát tăng; vào tháng 4/2014 lạm phát tăng lên mức định là 2,1%. Nhưng sau đó, do lạm phát lại giảm và vì vậy sự tín nhiệm dành cho Ngân hàng trung ương Nhật Bản cũng bị ảnh hưởng, Thống đốc Kuroda thấy cần thiết phải tăng cường hơn nữa tăng trưởng khi lạm phát tăng. Ngày 31/10/2014, ông tuyên bố mở rộng phần đóng góp của tiền tệ trong GDP từ 70% lên 75% từ cuối năm 2015. Để đạt được mức tiêu này, Ngân hàng trung ương mua thêm số tăng khi lạm phát hàng năm trái phiếu chính phủ có kỳ hạn dài từ 50 nghìn lên 80 nghìn tỷ yen cũng như hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua chương khoán và bất động sản. Giống như vào đầu năm 2013, chính sách tiền tệ mở rộng đã có ảnh hưởng trực tiếp mạnh mẽ lên các thị trường tài chính: lợi tức giảm xuống gần 0%, chúng khoán tăng trở lại và đồng yen tiếp tục mất giá. Nhưng với giá dầu sụt giảm, từ lập luận phát trở lại mức âm - mức 0,4% vào tháng 12/2014. Lần này, nền kinh tế thực tế ra không bị ảnh hưởng, do trước hết thiêu những lực đẩy về tài khóa. Các hộ gia đình cá nhân rõ ràng thiếu sức mua để phục hồi tiêu dùng. Tiền lạm phát đã giảm lần nữa vào năm 2014, trong khi tiền lạm

danh nghĩa trong cả năm hầu như không tăng hoặc tăng rất ít trong bối cảnh lạm phát tăng như trước. Ngoài ra, đồng yen mất giá và lãi suất tiền gửi tiết kiệm giảm. Với những điếu kiện này, trước hết chúng ta thấy rằng là tiêu dùng sẽ tăng trở lại.

Việc làm và thị trường lao động

Số lượng người có việc làm của Nhật Bản đã đạt mức cao nhất mọi vào năm 2014 và tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 12 giảm còn 3,4%. Mặt trái của tiến triển tích cực này trên thị trường lao động là số sụt giảm số lượng việc làm cố định, một xu hướng có thể được quan sát thấy trong hơn 20 năm qua. Hiện có khoảng 21% nam giới và 55% nữ giới có tình trạng việc làm ít hoặc không ổn định. Khi so sánh với các việc làm cố định, họ nhận được mức lương thấp hơn rõ rệt, không được bảo vệ chống lại việc sa thải và ít được bảo đảm về mặt xã hội. Sự gia tăng các việc làm không cố định cũng cùng chịu trách nhiệm cho mức lương thực sự giảm và số tăng trưởng chậm chạp của năng suất. Hầu hết của các doanh nghiệp, công ty vào đầu tiên và đầu tiên bậc cao đã chậm dãi, khi mà sự hợp tác trong dài hạn không còn được đảm bảo. Trong việc giải quyết các vấn đề về giá cả và tính cạnh tranh, các doanh nghiệp đã thay thế các việc làm cố định bằng việc làm không cố định, thay vì đầu tư vào các biện pháp giúp tăng năng suất.

Ngân sách nhà nước và chính sách tài khóa

Trong khi vào năm 2013, chỉ tiêu vượt mức được tài trợ bởi ngân sách bù sung đã kích thích sự phát triển kinh tế chậm chạp, chính sách tài khóa năm 2014 lại đi theo một đường lối cứng rắn. Việc tăng thu thuế tiêu dùng đã dẫn tới kết quả là tăng trưởng kinh tế sụt giảm. Trong năm 2014, thâm hụt ngân sách nhà nước năm là mức 7,1% do thu thuế giảm, mức cao hơn bằng của năm 2013 (8,3%). Tổng nợ công đã đạt mức cao nhất là chiếm 245% GDP. Hiện nay, chính sách tài khóa lại đi theo đường lối mở rộng.

Ngoài những

Cán cân thương mại của Nhật Bản trong năm 2014 cũng như trong năm 2013 đều là mức âm, thâm hụt là mức 108 tỷ USD. Ngược lại, cán cân tài khoản vãng lai đã đạt thặng dư là mức khoảng 45 tỷ USD nhờ vào thu nhập cao hơn từ tài sản nước ngoài. Thặng dư cán cân thương mại cao kể trước đây của Nhật Bản đã trở thành thâm hụt cán cân thương mại. Có ba yếu tố chịu trách nhiệm cho việc này.

Thứ nhất, ngành công nghiệp đã chuyển 20% việc sản xuất của mình ra nước ngoài vì những lý do về chi phí và bán hàng. Thứ hai, các nhà máy điện nguyên tử, vốn bị Nhật Bản đóng cửa sau thảm họa Fukushima, đã được thay thế bằng các nguồn năng lượng hóa thạch nhập khẩu. Và thứ ba, nhiều hàng hóa xuất khẩu đã vượt phải các vấn đề bất ngờ về bán hàng. Vì vậy, việc đồng yên mất giá đã kích thích xuất khẩu của Nhật Bản ở mức độ thấp hơn so với thời kỳ trước đây. Tuy việc đồng yên mất giá tăng 36% so với đồng USD (từ đầu năm 2013 đến cuối năm 2014) đã đem lại một lợi thế đáng kể cho xuất khẩu, nhưng nhập khẩu của nước này cũng tăng mạnh. Việc mất giá trị thực, đã không có lợi ích tích cực nào đến từ xuất khẩu.

Các cơ chế cấu trúc

Chính quyền Abe đã khởi động một loạt biện pháp cơ chế, tuy nhiên cho tới nay vẫn chưa xuất hiện các bước đột phá ngoạn mục mà có thể đem lại sự thúc đẩy cho tăng trưởng kinh tế hay nâng cao một cách rõ rệt đời sống người phát triển. Quá trình cơ chế phần nhiều vẫn đang được tiếp tục trong những năm qua – chính sách và nền kinh tế Nhật Bản đã thích ứng một cách chậm chạp và theo từng bước trước những thay đổi lớn về xã hội và các thách thức về cạnh tranh của quá trình toàn cầu hóa. Việc mất tích cực, chính sách cơ chế cấu trúc của Abe đã đi đúng hướng, ví dụ trong việc khuyến khích phát triển trong công việc, tăng cường vai trò của các cố gắng trong quan hệ với công ty cổ phần và nhà đầu tư tư nhân hoặc sự tập trung vào quá trình tự do hóa và bãi bỏ các quy định nhằm khuyến khích đầu tư, ví dụ như trong lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng. Các biện pháp đã được khởi xướng cho đến nay bao gồm quá trình tự do hóa việc mua đất, điều chỉnh thuế đầu tư, ví dụ như trong lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng. Các biện pháp đã được khởi xướng cho đến nay bao gồm quá trình tự do hóa việc mua đất, điều chỉnh thuế đầu tư, ví dụ như trong lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng. Các biện pháp đã được khởi xướng cho đến nay bao gồm quá trình tự do hóa việc mua đất, điều chỉnh thuế đầu tư, ví dụ như trong lĩnh vực nông nghiệp và năng lượng.

Các cơ chế cấu trúc như là chốt xúc tác cho một chính sách dân tộc-bộ tộc

Trong khi các kết quả về kinh tế của Abenomics cho tới nay chưa có một bình thường – việc mất chính trị nó lại là một thành công. Ngay từ đầu nhiệm kỳ của mình, Abe đã đánh thức sự phấn khích lớn, trong đó ông sử dụng chiến lược để hi vọng “ba mũi tên” và đánh dấu sự chuyển đổi về chính sách kinh tế. Hy vọng về sự chậm trễ tình trạng trì trệ dường như là hợp lý. Cho tới nay, những người ủng hộ Abenomics vẫn nắm giữ vai trò lãnh đạo về tư tưởng chính sách kinh tế. Trong truyền thông và công chúng Nhật Bản, Chính quyền Abe được nhìn nhận là có năng lực về kinh tế,

điều là thông số quy định cho một số ứng dụng chung và chính trị, giống như các quốc gia khác. Thủ tướng Abe còn đặt được thành tích có được từ lập ứng dụng hơn 40% trong các cuộc thăm dò cho tới nay. Sau khi ông bắt đầu quy định các cuộc bầu cử Thượng viện mới vào ngày 18/12/2014, phe đối lập đã không thể bác bỏ lập pháp định của Abe rằng “không có gì pháp thay thế nào” cho chính sách kinh tế của ông. Liên minh chính phủ gồm đảng LDP và đảng Komeito đã bỏ 2/3 trong cuộc họp của mình.

Nhưng khi nhìn ta nhìn kỹ hơn vào các sáng kiến và hành động mà Abe đã đưa ra về vấn đề kinh tế chính trị vào, họ có thể thấy mục tiêu hàng đầu của ông không phải là phục hồi nền kinh tế Nhật Bản hay thực hiện các cải cách cấu trúc. Đúng như chính sách kinh tế phần nhiều là phòng ngừa rủi ro để đạt được mục tiêu với Thủ tướng Nhật Bản. Điều quan trọng hơn đối với Abe là giành được khả năng hành động về chính sách an ninh đối ứng “chống lại hòa bình chống lại”, thiết lập một ý niệm về lịch sử mang tính dân tộc chủ nghĩa và các điều chỉnh chính sách giáo dục theo hướng yêu nước hơn. Trong đó, chính sách kinh tế có thể nói có chủ trương của một chút xúc tác. Giống như trong thời kỳ Thủ tướng Junichiro Koizumi năm quy định (2001-2006), những ngôn từ về cải cách đối thủ Abe trước hết công đóng vai trò là công cụ nhằm hiện thực hóa một chương trình nghị sự mang tính báo chí và dân tộc.

Tuy nhiên, việc Abe tái đắc cử không phải như vào một số ứng dụng chung đối với các mục tiêu chính trị của ông. Phần nhiều các tri Nhật Bản đã dành cho ông sự kỳ vọng thúc đẩy tiếp tục thực hiện chính sách kinh tế của ông và đặc biệt là thúc đẩy các cải cách khuyến khích tăng trưởng. Và vì vậy nghĩa vụ của chính phủ cũng phải được mở rộng để tăng cường năng lực của đất nước trong tương lai. Các nhiệm vụ cấp bách nhất bao gồm ngăn chặn sự xói mòn dần dần tính cạnh tranh và chốt lại những đả đấm đầu tư, vượt qua thay đổi về nhân khẩu học và ngăn chặn nguy cơ về nợ quốc gia. Trước bối cảnh này, xuất hiện câu hỏi về những cải cách và nguy cơ về chính sách tiền tệ, tài khóa và cấu trúc của Abe – ba mũi tên trong chiến lược Abenomics.

Chính sách tiền tệ: Các chủ trương dẫn đến lạm phát, các nguy cơ tăng lên

Ngay bây giờ nhìn ta có thể thấy rằng Ngân hàng trung ương Nhật Bản Kuroda không thể giải quyết vấn đề của mình về tỷ lệ lạm phát chỉ mức 2% trong năm 2015. Ngay cả chủ tịch hiện tại ông đã đoán trên lý thuyết, trong đó đi kèm với cùng các doanh nghiệp và hộ gia đình sẽ chi tiêu nhiều hơn, cũng không xuất hiện, hay ít nhất là chưa xuất hiện. Abenomics thật ra không phải do việc tăng thu thuế tiêu dùng được tiến hành với vàng, mà thay vào đó phần nhiều là do các chủ trương dẫn đến của chính sách tiền tệ.

Thứ nhất, các doanh nghiệp ở Nhật Bản không tiếp cận vốn bằng trái phiếu như trong thế giới Anglo-Saxon, mà thông qua tín dụng ngân hàng, giống như trong trường hợp của Khu vực đồng euro. Những việc cho vay tín dụng tại Nhật Bản hầu như không tăng lên bất chấp mức lãi suất cố định thấp. Thứ hai, như đã nói ở trên, thu nhập thực và số mua giảm sút, trong khi là vì lạm phát không được điều chỉnh cho phù hợp với giá cố định tăng lên. Và thứ ba, xuất khẩu của Nhật Bản đã không tăng mạnh như kỳ vọng sau khi đồng yen mất giá mạnh.

Ngoài ra, với các bên ngoài ta phải đặt câu hỏi liệu số giảm phát như có thực sự là nguyên nhân mang tính quyết định cho sự tăng trưởng yếu ớt trong nhiều năm và tình trạng đình trệ kéo dài của Nhật Bản hay không – hay nó là một triệu chứng của những tình trạng này. Ngoài ra có thể lập luận rằng sự thiếu niềm tin của các nhà đầu tư vào sự phát triển kinh tế của Nhật Bản có những nguyên nhân mang tính cấu trúc và số do đó của ngoài tiêu dùng trong nước với các bên cũng do sự chuyển đổi sang một xã hội già đi. Những chính sách tiền tệ lại không phù hợp để vượt qua những thiếu sót về cấu trúc hoặc giới quyết các vấn đề về nhân khẩu học.

Một khác, lý thuyết và kinh nghiệm thực tiễn đã cho thấy một chính sách tiền tệ mở rộng có thể có những hiệu ứng trì hoãn kéo dài và khác nhau. Chúng nào giai đoạn cuối của chiến lược Abenomics của được áp dụng, ngoài ra vốn sự phải chờ đợi những tiến triển tiếp theo của giá cố và chỉ tiêu của toàn bộ nền kinh tế. Nhưng ngay cả khi việc mở rộng nguồn tiền mặt có hiệu quả đến đâu hiện vẫn còn chưa rõ ràng, các nguy cơ chắc chắn vẫn tồn tại.

Thứ nhất, một vòng luẩn quẩn có thể nhanh chóng phát sinh do giá cố và lãi suất danh nghĩa tăng lên, trong đó lại tiếp cho trái phiếu chính phủ và gánh nặng lãi suất đi đầu nhau – Nhật Bản sẽ rơi vào một cuộc khủng hoảng nợ công. Thứ hai, việc giới lãi suất cố định thấp có thể trở nên khó khăn khi xét tới việc tiền cố số bất kỳ phòng ngừa mức rủi ro. Các dự lưu thông tiền tệ có tiềm năng là khó kiểm soát. Một kịch bản không thể loại bỏ là mức lạm phát phi mã và đồng yen mất giá trên thế trường quốc tế sẽ tạo điều kiện cho một cú sốc cạnh tranh.

Thứ ba, những hiệu ứng tiêu cực bên ngoài sẽ xuất hiện từ chính sách tiền tệ mở rộng trong khuôn khổ toàn cầu. Việc đồng yen mất giá sẽ làm giảm khả năng cạnh tranh với giá của các đối tác thương mại của Nhật Bản, và cùng với đồng euro vẫn đã yếu có nguy cơ chậm ngòi cho một cuộc chạy đua hạ giá đồng tiền quốc tế. Kinh

doanh chênh lệch lãi suất với đồng yen, hay việc cấp vốn cho các khoản đầu tư tài nước ngoài sẽ đồng đồng yen với lãi suất thấp, có nguy cơ đem lại các bong bóng đầu tư trên toàn cầu. Và thế này, danh tiếng của Ngân hàng trung ương Nhật Bản có thể bị tổn hại nếu bản thân cơ quan này trở thành nguồn gốc cho sự bất ổn tài chính. Ngay cả lo ngại rằng chính sách tiền tệ của Abe thực hiện sẽ tạo ra những nguy cơ mới khó kiểm soát ngoài những rào cản và tiền tệ.

Chính sách tài khóa: Hạn chế và thúc đẩy trong nguy cơ nhà nước không trở thành

Chính sách tài khóa của Nhật Bản từ hai thập kỷ qua được xác định thông qua một thế giới thoái lui kinh tế, trong đó một sự kích thích nhu cầu theo học thuyết kinh tế của Keynes là đi đầu tiên, những đồng thời một sự công cụ theo hướng tiếp cận kiểm soát được đưa ra. Thế giới thoái lui kinh tế này hiện đang trở nên tồi tệ hơn.

Một mặt, Nhật Bản vẫn chưa vượt qua được tình trạng nhu cầu yếu ớt của toàn bộ nền kinh tế. Vì vậy, các biện pháp kích thích tài khóa luôn luôn cần thiết để ổn định tăng trưởng kinh tế. Gói kích thích tăng trưởng kinh tế được thông qua vào cuối năm 2014 với trị giá lên tới 3.500 tỷ yen (tương đương 24 tỷ euro), một chủ đề là đi tìm một Nhật Bản mới chính sách hạn chế và thúc đẩy (nhằm duy trì thế cân bằng mong manh giữa hai xu hướng đối lập) đã được quan sát thấy từ nhiều năm qua. Ngay cả ta trông đợi trong kế hoạch hiện nay, chính phủ liên minh sẽ giảm mức đánh thuế cao nhất của thuế doanh nghiệp (hiện ở mức từ 35,6 tới 39,5%) – như đã được thảo luận từ lâu – nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh và sức đầu tư của các doanh nghiệp trong nước.

Mặt khác, mức nợ công cao vượt bậc chính phủ phải thực hiện một đồng lượng lợi công cụ. Nợ tài chính của Nhật Bản có nguy cơ vượt ra ngoài tầm kiểm soát. Kể từ năm tài khóa 2010, thâm hụt ngân sách năm ở mức 7% đến 10% GDP. Tổng nợ công đã tăng lên mức 245% - hiện gần tương đương với tài sản thực của toàn bộ hộ gia đình cá nhân của đất nước. Theo tính toán hiện nay, Nhật Bản cần thu thu của ít nhất 8 năm để có thể trả nợ. Cho tới nay, việc cấp vốn bằng thâm hụt ngân sách thông qua các nhà đầu tư trong nước vẫn chưa giúp được gì. Nợ công của Nhật Bản chiếm 90% mức nợ trong nước tính bằng đồng yen. Những người ta có thể thấy điều này sẽ thay đổi. Kể từ năm 2013, các hộ gia đình không tiếp tục được nữa, và lợi tức kiếm của họ là âm. Tổng dư tài khoản vẫn lại trước đây rất cao đã giảm xuống. Nhà nước sẽ sớm phải cần tới các nhà đầu tư nước ngoài, để cấp vốn cho thâm hụt ngân sách, chi phí lãi suất và chi phí trả nợ.

Câu trả lời của Abenomics cho thất bại thoái lui kinh tế tài khóa của Nhật Bản là lợi ích tăng trưởng kinh tế cao hơn. Trong một môi trường phát triển kinh tế thu hẹp lợi ích, theo như thông điệp, mục tiêu không chỉ là thu thu nhập nhiều hơn, mà còn đạt được mức thu nhập cao hơn và chi tiêu thấp hơn. Đáng tiếc, lợi ích này là một sự đánh cược vào tương lai. Lợi ích này phải thành công trong việc ổn định kinh tế và tài chính nhà nước, trước khi sự gia tăng các nguy cơ đối với trái phiếu chính phủ của Nhật Bản lên tới mức không thể chấp nhận được.

Chính sách tiền tệ với việc mua vào sự tăng trưởng của trái phiếu chính phủ Nhật Bản đã trở thành trở ngại cho chính sách tài khóa. Việc tài trợ cho chi tiêu nhà nước vượt quá mức hiện có yêu cầu ra trên thị trường trái phiếu, trong khi phần đóng góp của thu thu nhập giảm xuống dưới 50%. Trên thực tế, Ngân hàng trung ương Nhật Bản đang thúc đẩy việc tài trợ cho nợ từ máy in tiền. Cơ quan này hàng tháng mua trên thị trường một lượng trái phiếu có giá từ 8 đến 12 nghìn tỷ yen (tương đương 60 đến 80 tỷ euro), theo thông tin của chính ngân hàng. Hiện nay, quỹ hưu trí của Nhật Bản đã giảm các cam kết của mình lên các thị trường trái phiếu và hướng các khoản đầu tư vào thị trường chứng khoán và ra nước ngoài. Các chuyên gia phân tích về thị trường đánh giá rằng Ngân hàng trung ương Nhật Bản sẽ nắm giữ gần 50% toàn bộ trái phiếu chính phủ của nước này trong giai đoạn 2017-2020 nếu xu hướng này tiếp tục diễn ra. Ngược lại có thể hình dung rằng Ngân hàng trung ương tại một thời điểm nhất định sẽ giảm bớt sự tài trợ trái phiếu của mình và bằng cách đó giảm nợ công một cách đáng kể.

Sự cam kết của Ngân hàng trung ương Nhật Bản lên các thị trường trái phiếu của đất nước có những hậu quả và nguy cơ gây chấn động. Nhu cầu của Ngân hàng trung ương đã liên tục đẩy lợi tức xu hướng mức thấp mới, mới nhất là 0,02% cho trái phiếu kỳ hạn 2 năm; 0,05% cho trái phiếu kỳ hạn 5 năm và 0,33% cho trái phiếu kỳ hạn 10 năm. Trên thực tế, vốn trái phiếu tại Nhật Bản có sẵn mà không mất chi phí. Qua đó, chức năng dẫn dắt được biết của lãi suất vốn đã bị loại bỏ. Một tính thanh khoản gần như không mất chi phí và không bị giới hạn đang nuôi dưỡng bong bóng đầu cơ ở Nhật Bản và trên toàn thế giới.

Ngoài ra, một điều còn chưa rõ ràng là chi phí lãi suất rút đi. Liệu Ngân hàng trung ương Nhật Bản có thể rút khỏi chính sách thị trường mà của mình một cách có trật tự không? Hay nó sẽ là một sự rút lui không có trật tự? Trường hợp sau có nguy cơ dẫn tới việc các quỹ đầu cơ quốc tế bắt đầu đầu tư trên thị trường chứng khoán thông qua các thông tin và bán hàng lợi tức trái phiếu đang tăng lên, điều mà Bộ Tài chính Nhật Bản không thể kiểm soát.

Trong thời, việc mua hết trái phiếu chính phủ của Nhật Bản không giúp phóng chính sách tài chính khi ngân hàng và số dòng khung thời gian còn lại để công cụ nền kinh tế thực. Điều chắc chắn là mục tiêu đạt được một ngân sách chính cân bằng (tức là không có các khoản chi cho lãi suất và trả nợ) thì năm tài khóa 2020 khó có thể thực hiện được. Vấn đề thu thuế hợp hiện nay cũng cần phải được giải quyết – bên cạnh đó giai đoạn hai của việc tăng thuế tiêu dùng đã được lùi tới tháng 4/2017. Chính sách tài chính của Nhật Bản cần phải tạo thêm nhiều khoản thu thuế hơn trong ngắn hạn, dù chỉ để bù đắp những thiệt hại do kế hoạch giảm thuế doanh nghiệp.

Ngoài ra, việc xây dựng lại hệ thống thuế của Nhật Bản từ trung hạn tới dài hạn là một nhiệm vụ khó khăn. Vì ngân sách nhà nước không chỉ phải giải quyết vấn đề chi tiêu tăng lên cho lãi suất và trả nợ, mà còn phải gánh các khoản chi phí lớn cho hệ thống y tế quốc gia nhằm đảm bảo việc chăm sóc sức khỏe cho dân số đang già đi. 25% dân số Nhật Bản hiện đang ở độ tuổi lớn hơn 65. Tỷ lệ năm 2035, con số này sẽ tăng lên mức 33%. Để giải quyết các gánh nặng trong tương lai, Nhật Bản sẽ cần phải tăng thuế tiêu dùng lên mức trung bình của châu Âu và mở rộng mạnh mẽ cơ sở đánh giá cho thuế thu nhập. Cả hai đều là những biện pháp được coi là không thể thực hiện được xét theo khía cạnh chính trị.

Chính sách cấu trúc thị trường để số dòng công

Chính sách cấu trúc và công bản là một thành phần mang tính quyết định đối với số việc sinh nền kinh tế Nhật Bản. Trong khi chính sách tiền tệ và tài khóa trong trường hợp tốt nhất có thể bù đắp nhu cầu yếu của toàn bộ nền kinh tế, tăng trưởng ở mức cao hơn chỉ có thể đạt được thông qua các biện pháp và phía cung. Một số tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ bản vững với những tiến bộ lớn về năng suất vì vậy cần tới các cải cách cấu trúc tương ứng. Thủ tướng Abe đã hứa hẹn hiện thực hóa những dự xuất dành cho lĩnh vực lập pháp và quản lý trong nhiệm kỳ thứ ba của mình, những dự xuất đã được Hội đồng và khối năng chính tranh công nghiệp soạn thảo. Nhật Bản trước hết lên kế hoạch cải thiện tăng bản cơ hội việc làm của phụ nữ, mở cửa việc nhập khẩu sản phẩm nông nghiệp trong khuôn khổ các thỏa thuận thương mại-chính trị với Mỹ và EU, tạo điều kiện dễ dàng cho lao động nước ngoài có tay nghề tại Nhật Bản tìm việc làm và tự do hóa thị trường điện. Ngoài ra còn có các biện pháp được lập ra trong các khu vực nông nghiệp và y tế, cũng như các biện pháp nhằm khuyến khích đổi mới, du lịch cũng như các công ty vừa và nhỏ.

Tuy các bước đi cải cách đã đi đúng hướng, nhưng những bước đi cần thiết cho tăng trưởng năng suất cao hơn lại tiếp tục chậm lại. Có được sự đổi mới vĩ mô kinh tế, Nhật Bản cần một luật lao động đúng đắn như mà giới quy định hai mặt cạnh tranh và không cạnh tranh của thị trường vi mô làm, một luật doanh nghiệp thân thiện hơn với các cạnh tranh mà cho phép thành lập mới và tái cấu trúc nhanh hơn, cũng như phá vỡ các cấu trúc cứng nhắc trong nội bộ thị trường ngành kinh tế của đất nước. Nhiệm vụ cụ thể cần tiếp tục sự bảo vệ hiệu quả chính sách cạnh tranh không lành mạnh, mở cửa rộng rãi cho sự cạnh tranh tự hàng nhập khẩu và một cơ quan điều tiết cạnh tranh có quy mô lớn – cũng như ý chí để thực hiện những biện pháp này. Khu vực nông nghiệp và y tế không chỉ cần tiếp tục các cải cách chính sách mà cần các cải cách cơ bản. Và để đổi mới với những thách thức về nhân khẩu học của một xã hội đang già đi, việc hỗ trợ phụ nữ và gia đình theo hình mẫu của châu Âu phải được mở rộng đáng kể. Ngoài ra, một việc cần thiết nữa là tự do hóa luật nhập cư và chế độ tuyển dụng lao động có tay nghề.

Để thực hiện được tất cả các biện pháp trên, Chính phủ Abe phải phá vỡ những cấm kỵ của xã hội và vượt qua những kháng cự của bộ máy quan liêu và các nhóm lợi ích kinh tế và chính trị. Khi xét tiếp quan điểm bảo thủ của Abe và các ưu tiên khác của ông, một cách tiếp cận mang tính công kích như vậy khó có thể xảy ra. Tuy chính phủ có được một sự suy thác thực hiện cải cách tăng trưởng năng và đa số cần thiết trong Quốc hội, nhiều người vẫn lo ngại rằng khung thời gian để ngân sách mới cụ thể không hoành tài chính và quốc gia sẽ không được sự đồng ý.

Theo [Viện nghiên cứu các vấn đề quốc tế và an ninh](#) , [BBC](#).

Thùy Anh (gt)